

THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU
Năm học 2023-2024

Căn cứ thông tư 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15/9/2020 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường THCS, trường trung học và trường THPT có nhiều cấp học;

Căn cứ Nghị quyết 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết 65/2021/NQ-HĐND ngày 9/12/2021 của HĐND tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của Tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 2254/BHXH-QLTST ngày 11/8/2023 của BHXH tỉnh Quảng Ninh về việc triển khai thực hiện BHYT học sinh, sinh viên năm học 2023-2024;

Thực hiện Hướng dẫn số 2593/SGDĐT-KHTC ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh hướng dẫn thực hiện nghị quyết 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Thực hiện công văn số 2606/SGDĐT-KHTC ngày 20/9/2023 của Sở giáo dục và đào tạo về việc tăng cường công tác quản lý thu, chi năm học 2023-2024.

Thực hiện công văn 1633/PGD &ĐT ngày 12/10/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc thực hiện các khoản thu chi năm học 2023-2024.

Căn cứ vào kết quả sau khi niêm yết công khai các khoản thu - chi năm học 2023-2024 của trường THCS Xuân Sơn. Trường THCS Xuân Sơn thông báo các khoản thu và thời gian nộp các khoản đóng góp trong năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

STT	Tên các khoản thu	Mức thu	Hình thức thu	Ghi chú
I	Các khoản thu theo quy định			
1	Học phí	300.000đ/tháng	Thu theo kỳ (kỳ I tháng 12/2023; kỳ II tháng 03/2024)	
2	Bảo hiểm y tế	680.400đ/HS/năm	Thu từ tháng 10 đến tháng 12/2023	
		194.400đ/HS/năm		

II	các khoản thu dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục			
1	Nước uống	10.000đ/tháng	Thu theo tháng	
2	Trông giữ phương tiện giao thông của HS	- Xe đạp: 30.000đ/tháng	Thu theo tháng	
		- Xe đạp điện: 40.000đ/tháng		
3	Học thêm các môn văn hóa	9.000đ/tiết	Thu theo tháng	
4	Học kỹ năng sống	19.000/tiết	Thu theo tháng	
5	Tin học lớp 9	6.000đ/tiết	Thu theo tháng	

*** Hình thức thu:**

+ Nộp bằng tiền mặt: Phụ huynh học sinh đóng tiền trực tiếp cho con em mình tại bộ phận hành chính nhà trường theo đúng kế hoạch.

+ Đóng qua tài khoản nhà trường: Tên tài khoản: Trường THCS Xuân Sơn .

Số TK: 8600023668 tại Ngân hàng BIDV Tây Nam Quảng Ninh.

- Các giáo viên chủ nhiệm có trách nhiệm cùng bộ phận tài vụ đơn đốc phụ huynh học sinh nộp tiền đúng thời gian theo kế hoạch

- Bộ phận tài vụ có trách nhiệm tiến hành thu và quản lý thu theo đúng kế hoạch.

Trên đây là thông báo các khoản thu năm học 2023-2024 của trường THCS Xuân Sơn .

Nơi nhận:

- CBGV, PH (th/h);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tuyết Mai

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ NƯỚC UỐNG HỌC SINH
Năm học 2023-2024

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ nước uống học sinh

- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học

- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: **376** học sinh Số lớp **10**

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B	I	2	3	4=2*3	5	6=4*5	11
I.	Đối với cơ sở giáo dục đã được lắp hệ thống lọc nước							
1	Chi phí quan trắc/kiểm định	Đồng			186.700	9	1.680.300	
2	Chi phí vật tư thay thế theo định kỳ và sửa chữa hệ thống lọc	đồng	1,0		462.000	9	4.158.000	
3	Điện	W	96,0	2.100	201.600	9	1.814.400	
4	Nước sinh hoạt	m3	13,54	11.800	159.700	9	1.437.300	
5	Giá để nước, ca cốc	Cái	10,0		400.000	9	3.600.000	Tinh cho cả năm học
6	Bình chứa nước	Cái	20,0		150.000	9	1.350.000	
7	Ca, cốc	Cái	400,0		200.000	9	1.800.000	
8	Phục vụ quản lý, vận chuyển nước	Đồng	2,0	1.000.000	2.000.000	9	18.000.000	
	Tổng cộng				3.760.000		33.840.000	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi	Đồng	33.840.000	
2	Tổng số học sinh toàn trường	Học sinh	376	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Số tiền thu học sinh/tháng ($7=1/2/3$)	Đồng	10.000	Không vượt quá quy định

Ban đại diện cha mẹ học sinh



Liều Thị Hương

Đại diện công đoàn nhà trường



Đỗ Hải Yến

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Tuyết Mai

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ HỌC THÊM
Năm học 2023-2024

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ học thêm năm học 2023-2024

- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học

- Tổng số học sinh, trẻ tham gia dịch vụ: **260** học sinh Số lớp: **10**

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối đa %	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B		I	2	3	4=2*3	5	6=4*5	7
1	Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy	71,2%	Giờ dạy	360	166.600	59.976.000	8	479.808.000	
2	Chi cho cán bộ quản lý	20%				16.827.900		134.623.200	
	- Thủ quỹ		Tháng	15	43.900	658.500	8	5.268.000	
	- Kế toán		Tháng	30	69.300	2.079.000	8	16.632.000	
	- Hiệu trưởng			27	128.800	3.477.600	8	27.820.800	
	- Hiệu phó			24	93.200	2.236.800	8	17.894.400	
	- Quản lý lớp (GVCN)		Tháng	120	69.800	8.376.000	8	67.008.000	
3	Phục vụ vệ sinh (giấy, nước)	0,5%				421.300	8	3.370.400	
4	Điện	1,1%	KW	446	2100	936.000	8	7.488.000	
5	Sửa chữa cơ sở vật chất	5,0%	%	1	4.212.000	4.212.000	8	33.696.000	
6	Chi mua hóa đơn điện tử	0,2%		260	700	182.000	8	1.456.000	
7	Thuế	2,0%	%	1	1.684.800	1.684.800	8	13.478.400	
	Tổng cộng	100%				84.240.000		673.920.000	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi năm	Đồng	673.920.000	
2	Số học sinh/ lớp	Hs/ lớp	26,0	
3	Tổng số tháng học	Tháng	8	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng/lớp	Giờ dạy/thang	360	
5	Tổng số giờ dạy/ năm(4=2*3)	Giờ dạy/năm	2.880	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp (6=1/5)	Đồng	234.000	
7	Số tiền thu 1 trẻ, học sinh/giờ dạy (7=6/2)	Đồng	9.000	Không vượt quá quy định

Ban đại diện cha mẹ học sinh



Liêu Thị Hương

Đại diện công đoàn nhà trường



Đỗ Hải Yến

Kế toán



Dương Xuân Dân

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Tuyết Mai

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ HỌC TIN HỌC

Năm học 2023-2024

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ dạy tin học
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học
- Tổng số học sinh, trẻ tham gia dịch vụ học tin học: **34** học sinh Số lớp: **1**

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối đa %	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B		I	2	3	4=2*3	5	6=4*5	II
1	Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy	70%	Giờ dạy	8	99.800	798.400	9	7.185.600	
2	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)					578.000		5.202.000	
	- Thủ quỹ		Tháng	1	38.000	38.000	9	342.000	
	- Kế toán		Tháng	2	57.400	114.800	9	1.033.200	
	- Hiệu trưởng		Tháng	2	111.600	223.200	9	2.008.800	
	- Hiệu phó		Tháng	2	80.800	161.600	9	1.454.400	
	- Quản lý lớp (phòng máy)		Tháng	1	40.400	40.400	9	363.600	
3	Phục vụ vệ sinh			1	21.080	21.080	9	189.720	
4	Điện		KW	54	2.100	112.800	9	1.015.200	
5	Sửa chữa cơ sở vật chất			1	65.280	65.280	9	587.520	
6	Mua hóa đơn điện tử			34	700	23.800	9	214.200	
7	Thuế	2%	%	1	32.640	32.640	9	293.760	
	Tổng cộng	100%				1.632.000		14.688.000	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi 1 năm	Đồng	14.688.000	
2	Số học sinh/ lớp	Hs/ lớp	34,0	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/thang	8	
5	Tổng số giờ dạy/ năm($4=2*3$)	Giờ dạy/năm	72	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp ($6=1/5$)	Đồng	204.000	
7	Số tiền thu 1 trẻ, học sinh/giờ dạy ($7=6/2$)	Đồng	6.000	Không vượt quá quy định

Ban đại diện cha mẹ học sinh



Lieu Thi Huong

Đại diện công đoàn nhà trường



Đỗ Hải Yến

Kế toán



Dương Xuân Dân

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Tuyết Mai

Trường THCS Xuân Sơn

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

Năm học 2023-2024

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ trông giữ phương tiện giao thông
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học
- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: **279** **học sinh**

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối đa %	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B		l	2	3	4=2*3	5	6=4*5	11
	Tổng cộng	98%				9.282.900	9	83.546.100	
1	Chi trả tiền công cho người trông giữ xe	71%	Đồng	2	3.315.000	6.630.000	9	59.670.000	
	Chi khác								
2	Dụng cụ, vật tư phục vụ trông xe	1%				47.100	9	423.900	
3	Phí mua hóa đơn (HD5.000)		đồng	279	700	195.300	9	1.757.700	
4	Chi cho cán bộ quản lý	19%				1.760.900	9	15.848.100	
	- Thủ quỹ		Tháng	4	43.900	175.600	9	1.580.400	
	- Kế toán		Tháng	5	69.300	346.500	9	3.118.500	
	- Hiệu trưởng		Tháng	6	128.800	772.800	9	6.955.200	
	- Phó hiệu trưởng		Tháng	5	93.200	466.000	9	4.194.000	
5	Thuế	7%	%	1	649.600	649.600	9	5.846.400	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Tỷ lệ %	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi	100%	Đồng	83.546.100	
2	Tổng số học sinh tham gia			279	
	<i>Số học sinh gửi xe đạp</i>		HS	188	
	<i>Số học sinh gửi xe máy</i>		HS	91	
3	Mức thu 1 học sinh/ tháng/ xe đạp		Đồng	30.000	Không vượt quá quy định
4	Mức thu 1 học sinh/ tháng/ xe máy		Đồng	40.000	

Ghi chú:

Ban đại diện cha mẹ học sinh



Lieu Thi Huong

Đại diện công đoàn nhà trường



Đỗ Hải Yến

Kế toán



Dương Xuân Dân

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Tuyết Mai

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ HOẠT ĐỘNG KHÁC SAU GIỜ HỌC CHÍNH THỨC (KỸ NĂNG SỐNG)

Năm học 2023 - 2024

- Căn cứ kế hoạch được phê duyệt số ngày tháng năm của (cấp có thẩm quyền)
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Ban giám hiệu nhà trường và ban đại diện cha mẹ học sinh ; Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học

- Số lớp 7 lớp

- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 235 học sinh Trong đó miễn: 22 213 Còn phải đóng

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối đa %	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B		I	2	3	4=2*3	5	6=4*5	II
1	Chi trả đơn vị liên kết đào tạo cung cấp	78%		4	14.820	12.626.640	9	113.639.760	
2	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)					2.902.000	9	26.118.000	
	- Thủ quỹ		Tháng	4	43.900	175.600	9	1.580.400	
	- Kế toán		Tháng	6	69.300	415.800	9	3.742.200	
	- Hiệu trưởng		Tháng	6	123.700	742.200	9	6.679.800	
	- Phó hiệu trưởng		Tháng	6	99.000	594.000	9	5.346.000	
	- Quản lý lớp (GVCN 7 lớp)		Tháng	14	69.600	974.400	9	8.769.600	
3	Phục vụ vệ sinh (giấy, nước tẩy,			1,0	165.400	165.400	9	1.488.600	
4	Điện		KW	68	2.100	142.800	9	1.285.200	
5	Chi phí hóa đơn		Tờ	213	700	27.400	9	246.600	
6	Thuế	2%				323.760	9	2.913.840	
	Tổng cộng	100%				16.188.000	9	145.692.000	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi cả năm	Đồng	145.692.000	
2	Số học sinh	Hs/ lớp	213	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/tháng	4	
5	Tổng số giờ dạy/ năm($5=3*4$)	Giờ dạy/năm	36	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp ($6=1/5$)	Đồng	4.047.000	
7	Số tiền thu của 1 học sinh, giờ dạy ($7=6/2$)	Đồng	19.000	Không vượt quá quy định

Ban đại diện cha mẹ học sinh



Lieu Thi Huong

Đại diện công đoàn nhà trường



Đỗ Hải Yến

Kế toán



Dương Xuân Dân

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Tuyết Mai